PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ TẠI VIỆT NAM ĐÁP ỨNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TS. Vũ Thị Hằng Nga*

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, công nghiệp hỗ trợ giữ vai trò then chốt, là nền tảng đảm bảo sự phát triển bền vững của các ngành sản xuất công nghiệp. Tại Việt Nam, công nghiệp hỗ trợ đang là vấn đề quan tâm, bởi đây là một trong những yếu tố quyết định khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu, ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy chuyển giao công nghệ. Bài viết, phân tích tính tất yếu của việc phát triển công nghiệp hỗ trợ, khái quát thực trạng phát triển công nghiệp hỗ trợ và đề xuất giải pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam.

• Từ khóa: *công nghiệp hỗ trợ, phát triển công nghiệp hỗ trợ, giải pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam.*

In the process of industrialization and modernization of the country, supporting industry plays a key role, being the foundation to ensure the sustainable development of industrial production sectors. In Vietnam, supporting industry is a matter of concern because it is one of the factors that determine the ability to participate in the global value chain, enhance national competitiveness, reduce dependence on imports, stabilize the macro economy and promote technology transfer. The article analyzes the inevitability of developing supporting industry, summarizes the current situation of supporting industry development and proposes solutions for developing supporting industry in Vietnam.

• Key words: *supporting industry, supporting industry development, solutions for developing supporting industry in Vietnam.*

Ngày nhận bài: 17/01/2026
Ngày gửi phản biện: 05/3/2026
Ngày duyệt đăng: 30/3/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i310.07

Giới thiệu

Công nghiệp hỗ trợ (CNHT) là lĩnh vực sản xuất các linh kiện, phụ tùng, nguyên vật liệu và dịch vụ kỹ thuật phục vụ trực tiếp cho quá trình lắp ráp, chế tạo sản phẩm công nghiệp hoàn chỉnh của các ngành công nghiệp chủ lực. Sự phát triển của ngành CNHT có ý nghĩa quan trọng trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bởi nó tạo nền tảng cho việc nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu, đồng thời thúc đẩy sự hành thành chuỗi cung ứng trong nước. Ở Việt Nam, mặc dù trong những năm qua, CNHT đã có những bước tiến quan trọng, đặc biệt là trong lĩnh vực điện tử và dệt may, song vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển nhanh chóng của thị trường, nhiều doanh nghiệp nội địa vẫn phụ thuộc phần lớn vào nguồn nguyên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng nhập khẩu từ nước ngoài. Có thể nói, CNHT tại Việt Nam đã được xác định là một trong những ngành được ưu tiên phát triển nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút FDI, hỗ trợ DNNVV tham gia vào mạng lưới sản xuất toàn cầu. Bởi vậy, phát triển CNHT không chỉ là một tất yếu khách quan mà còn là định hướng chiến lược trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1. Tính tất yếu của việc phát triển công nghiệp hỗ trợ

CNHT được coi là xương sống của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, quyết định sự phát triển độc lập, bền vững và nâng cao vị thế quốc gia trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, sự phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ là một tất yếu khách quan đối với Việt Nam - một quốc gia đang phát triển. Tính tất yếu khách quan của phát triển CNHT thể hiện trên một số phương diện sau:

Một là, *phát triển công nghiệp hỗ trợ đảm bảo nền tảng vững chắc cho sản xuất công nghiệp.* Điều này thể hiện ở chỗ, CNHT cung cấp linh kiện, phụ tùng, nguyên, vật liệu cho các ngành công nghiệp chủ lực như: ngành công nghiệp ô tô, điện tử, cơ khí, dệt may, giày da…; giúp cho các doanh nghiệp nội địa chủ động được nguồn

** Học viện Tài chính*

cung, giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu từ nước ngoài; tiết kiệm chi phí sản xuất;

Hai là, *phát triển CNHT sẽ nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.* Khi CNHT phát triển, sản xuất của các doanh nghiệp nội địa giảm được chi phí, từ đó giảm giá thành sản phẩm, nhờ vậy, giảm được giá bán, tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp; tạo điều kiện thuận lợi cho hàng Việt Nam tham gia ngày càng sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu;

Ba là, *phát triển CNHT sẽ thu hút đầu tư nước ngoài bền vững.* Đặc điểm của các doanh nghiệp FDI là thường tìm kiếm hệ sinh thái nhà cung cấp tại chỗ. Bởi vậy, quốc gia có nền CNHT phát triển mạnh sẽ giữ chân các doanh nghiệp nước ngoài lâu dài và thu hút ngày càng nhiều các nhà đầu tư nước ngoài;

Bốn là, *phát triển CNHT sẽ thúc đẩy chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo.* Để tham gia vào các chuỗi cung ứng toàn cầu, các doanh nghiệp CNHT buộc phải áp dụng công nghệ mới, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế … Điều này, đã tạo động lực cho quá trình nâng cao trình độ công nghệ, kỹ năng lao động và quản trị doanh nghiệp;

Năm là, *phát triển CNHT góp phần phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.* Việc phát triển CNHT thường đi đôi với phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đây cũng là một trong những lợi thế của Việt Nam, khi mà đại bộ phận doanh nghiệp (khoảng 97%-98%) trong nền kinh tế là doanh nghiệp nhỏ và vừa, phù hợp với năng lực và trình độ của loại hình doanh nghiệp này;

Sáu là, *phát triển CNHT tạo điều kiện cho việc giảm thiểu nhập siêu, ổn định kinh tế vĩ mô.* Hiện nay, Việt Nam vẫn nhập khẩu khối lượng lớn linh kiện, nguyên vật liệu sử dụng cho sản xuất. Việc phát triển CNHT sẽ góp phần tăng tỷ lệ nội địa hóa, giảm nhập siêu, từ đó tạo thế cân bằng thương mại và ổn định kinh tế vĩ mô.

2. Khái quát thực trạng phát triển công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam

Điểm tích cực

Trong những năm gần đây, CNHH ở Việt Nam đã có bước phát triển đáng ghi nhận, thể hiện trên một số phương diện sau đây:

Một là, CNHT có sự tăng trưởng cả về quy mô và chất lượng.

Quy mô ngành CNHT của Việt Nam ngày càng mở rộng. Theo Bộ Công Thương, năm 2023 chiếm khoảng 11% GDP toàn ngành công nghiệp, với hơn 5.000 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này. Các tập đoàn đa quốc gia như Samsung, Toyota, Canon… tăng cường đầu tư xây dựng nhà máy tại Việt Nam, điều này kéo theo nhu cầu về linh kiện, nguyên vật liệu, phụ tùng trong nước ngày càng tăng; ngành công nghiệp ô tô, loại dưới 9 chỗ ngồi đạt tỷ lệ nội địa hóa từ 35%-40%;

Hai là, một số ngành trọng điểm có sự tăng trưởng đột phá, như: ngành điện tử-cơ khí, thu hút nhiều doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, kéo theo nhiều cơ hội cho cho các nhà cung cấp của Việt Nam; sản xuất linh kiện điện tử (PCB, camera, vỏ máy) đáp ứng được 50% nhu cầu nội địa; giá trị xuất khẩu linh kiện điện tử ngày càng tăng, đạt 55 tỷ USD (năm 2022), hơn 60 tỷ USD (năm 2023, chiếm 30% tổng kim ngạch xuất khẩu) và 65 tỷ USD (năm 2024); ngành Dệt may, da giày đáp ứng khoảng 50%-55% nhu cầu nguyên, vật liêu trong nước; một số doanh nghiệp như TNG, Đức Giang trở thành nhà cung cấp quan trọng cho Like, Adidas;

Ba là, chính sách hỗ trợ cơ bản đạt hiệu quả tốt: Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ như Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển CNHT; chính sách ưu đãi thuế, giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn thuế nhập khẩu nguyên liệu cho các doanh nghiệp CNHT; chính sách đào tạo nguồn nhân lực: các chương trình hợp tác với Nhật Bản, Hàn Quốc về đào tạo kỹ sư, công nhân kỹ thuật cao; hình thành các khu công nghiệp chuyên sâu tại một số địa phương như Bắc Ninh, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai... Đặc biệt là ngày 18/4/2025 Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1080/QĐ-BCT về việc phê duyệt chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ năm 2025 đã tạo điều kiện cho phát triển CNHT đạt hiệu quả tích cực trong bối cảnh mới.

Hạn chế

Tuy có những điểm tích cực, song CNHT của Việt Nam những năm qua vẫn còn khoảng cách lớn so với mục tiêu trở hành nền tảng vững chắc cho công nghiệp phát triển; chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất trong nước cũng như chưa đáp

ứng được tiêu chuẩn quốc tế. Thể hiện trên một số điểm sau đây:

Thứ nhất, tỷ lệ doanh nghiệp CNHT là doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm tỷ lệ lớn (khoảng hơn 70%), công nghệ lạc hậu, khó tham gia vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

Thứ hai, tỷ lệ nội địa hóa trong ngành công nghiệp ô tô còn thấp, chỉ khoảng 10%-20%, thua xa với các nước trong khu vực;

Thứ ba, chưa chủ động được nguồn cung nguyên, vật liệu, linh kiện trong nước, còn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu từ Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc…

Thứ tư, thiếu sự liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các tập đoàn đa quốc gia thường vẫn ưu tiên nhà cung cấp nước ngoài hơn là các doanh nghiệp nội địa.

Nguyên nhân

+ Khả năng tài chính và trình độ, năng lực công nghệ hạn chế do đa số doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa, nguồn tài chính hạn hẹp, khó tiếp cận vốn cho việc đầu tư đổi mới công nghệ, trang thiết bị máy móc hiện đại; chủ yếu phụ thuộc vào công nghệ nước ngoài; nhiều doanh nghiệp chỉ gia công đơn giản, chưa làm chủ được công nghệ cốt lõi; hạn chế nghiên cứu phát triển (R&D) bởi chưa đủ khả năng tài chính và nhân lực chất lượng cao.

+ Chưa hình thành được mạng lưới CNHT đồng bộ; chuỗi cung ứng yếu, phụ thuộc chủ yếu vào nhập khẩu;

+ Chính sách hỗ trợ còn dàn trải, thiếu tính đồng bộ và thực thi thể hiện ở chỗ ưu đãi chưa đủ hấp dẫn; thủ tục hành chính còn phức tạp, ảnh hưởng đến quá trình nhập khẩu máy móc, thiết bị và công nghệ;

+ Cạnh tranh từ các nước trong khu vực gay gắt trong khi Việt Nam chưa tạo được lợi thế khác biệt với một số quốc gia như Thái Lan, Trung Quốc, Malaysia, Ấn Độ…

3. Khuyến nghị

Thứ nhất, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ

Để thực hiện giải pháp này, Nhà nước cần rà soát cơ chế, chính sách hiện hành, chỉnh sửa, bổ sung, xây dựng khung pháp lý đồng bộ: ban hành các chính sách ưu đãi đặc thù cho CNHT về thuế, tín dụng, đất đai, xuất, nhập khẩu; tích hợp với chiến lược công nghiệp quốc gia, gắn CNHT với các ngành công nghiệp mũi nhọn như: ngành công nghiệp ô tô, điện tử, dệt may, cơ khí chính xác, da giày…; tạo quỹ hỗ trợ CNHT; ưu tiên vốn vay trung, dài hạn với lãi suất ưu đãi đối với CNHT;

Thứ hai, nâng cao công nghệ

Để thực hiện giải pháp này, không chỉ dừng lại ở việc đầu tư trang thiết bị mới mà còn cần phải có một lộ trình tổng thể, gắn với năng lực của doanh nghiệp và chính sách của Nhà nước. Theo đó, ở cấp độ Nhà nước và hiệp hội ngành cần xây dựng trung tâm hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận công nghệ tiên tiến với chi phí hợp lý; hỗ trợ vốn và ưu đãi thuế, có chính sách khuyến khích doanh nghiệp nội địa liên kết với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo hành lang pháp lý và tiêu chuẩn kỹ thuật thống nhất, đảm bảo công nghệ mới ứng dụng có thể tích hợp vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Đối với cấp doanh nghiệp, cần đổi mới thiết bị, dây truyền sản xuất, đầu tư máy móc hiện đại, tự động hóa công nghệ số (IoT, AI, robot công nghiệp trong sản xuất và quản lý); ứng dụng chuyển đổi số, quản lý chuỗi cung ứng số hóa để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả;

Thứ ba, phát triển nguyên liệu trong nước

Để thực hiện giải pháp này, Nhà nước cần quy hoạch vùng nguyên liệu trong nước, xác định các khu vực có lợi thế cho từng loại nguyên liệu để tập trung phát triển nhằm giảm thiểu nhập khẩu; có chính sách đầu tư, hỗ trợ vốn, tín dụng, giảm thuế cho những doanh nghiệp đầu tư vào nguyên liệu cơ bản như: thép chất lượng cao, hạt nhựa kỹ thuật…; hình thành khu công nghiệp chuyên ngành như: khu sản xuất thép, cơ khí, khu hóa chất- nhựa, khu dệt-nhuộm để tạo sự liên kết; tiêu chuẩn hóa nguyên liệu, khuyến khích công nghiệp tái chế, nguyên liệu xanh, tận dụng phế liệu kim loại, nhựa tái sinh… để giảm chi phí và bảo vệ môi trường…; nâng cao chất lượng nguyên liệu và đảm bảo sự ổn định; liên kết chuỗi sản xuất, hợp tác với các doanh nghiệp để sản xuất theo yêu cầu;

Thứ tư, phát triển doanh nghiệp trong nước

Để thực hiện giải pháp này, Nhà nước cần tạo môi trường thuận lợi và hỗ trợ cả về thể chế, nguồn lực và thị trường. Theo đó, cần đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp; xây dựng hệ thống pháp luật minh bạch, ổn định, hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong vay vốn ưu đãi; có chính sách hỗ trợ thuế, tín dụng và đất đai… để các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa có nguồn lực đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm; khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa liên kết theo cụm ngành, hình thành chuỗi cung ứng trong nước;

Thứ năm, tăng cường liên kết với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Để thực hiện giải pháp này, Nhà nước và bản thân các doanh nghiệp cần phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp khác nhau, cụ thể là: Nhà nước cần xây dựng cơ chế kết nối giữa doanh nghiệp trong nước với các tập đoàn nước ngoài như Samsung, Toyota, LG, Canon… thông qua việc tổ chức các diễn đàn, hội trợ, chương trình kết nối, chương trình tư vấn, đào tạo để doanh nghiệp trong nước đáp ứng được tiêu chuẩn quốc tế; xây dựng cơ sở dữ liệu về nhà cung ứng trong nước nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp FDI dễ tìm kiếm đối tác; khuyến khích doanh nghiệp FDI chuyển giao công nghệ, phát triển cụm liên kết ngành-khu công nghiệp hỗ trợ…

Về phía doanh nghiệp, cần nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế; chủ động đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh; chủ động tìm kiếm đối tác, tham gia các hiệp hội ngành nghề, diễn đàn kết nối cung ứng…

Thứ sáu, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Để thực hiện giải pháp này, doanh nghiệp cần đẩy mạnh đào tạo kỹ sư, công nhân lành nghề trong các lĩnh vực điện tử, cơ khí chính xác, ô tô, vật liệu… thông qua việc hợp tác với các nước như Hàn Quốc, Nhật Bản để đào tạo kỹ sư, đào tạo nghề; hợp tác giữa doanh nghiệp với các trường đại học, viện nghiên cứu và trường dạy nghề để xây dựng các chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo đào tạo kỹ sư, công nhân lành nghề, đáp ứng nhu cầu về nhân lực chất lượng cao cho các doanh nghiệp CNHT;

Thứ bảy, đẩy mạnh nghiên cứu phát triển (R&D) và chuyển giao công nghệ

Để thực hiện giải pháp này, Nhà nước cần hoàn thiện chính sách, pháp luật bằng việc ban hành khung pháp lý khuyến khích doanh nghiệp đầu tư R & D và đổi mới sáng tạo, xây dựng các quy định rõ ràng về quyền sở hữu trí tuệ, bảo hộ sáng chế để các doanh nghiệp yên tâm đầu tư; thành lập các qũy đổi mới sáng tạo quốc gia, quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp đầu tư công nghệ mới; ưu đãi thuế cho chi phí R&D, mua công nghệ, đào tạo nhân lực công nghệ cao; phát triển hạ tầng khoa học công nghệ, xây dựng các khu công nghệ cao, khuyến khích hình thành vườn ươm công nghệ, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo…

Đối với doanh nghiệp cần tăng cường đầu tư R &D nội bộ. Theo đó, cần thành lập bộ phận R&D trong doanh nghiệp, thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số (AI, Big Data, IoT…) vào nghiên cứu sản phẩm, dịch vụ mới; hợp tác với các trường đại học/học viện, viện nghiên cứu để phát huy lợi thế; chủ động tiếp cận và làm chủ công nghệ tiến tiến…; hội nhập sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; chủ động tham gia các hiệp định tự do thương mại (FTA) để mở rộng thị trường xuất khẩu sản phẩm CNHT…

Kết luận

Phát triển CNHT không chỉ là yêu cầu tất yếu khách quan mà còn là chiến lược lâu dài để Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh, giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Các giải pháp phát triển CNHT phải được thực hiện đồng bộ để đạt được hiệu quả cao.

Tài liệu tham khảo:

Laodong.vn/kinh-doanh/cong-nghiep-ho-tro-khai-niem-va-thuc-tien-755301.ldo- Bài viết của Mi Vân đăng trên Lao động- ngày 18/9/2019

Tapchicongsan.org.vn/web/guest/tin-binh-luan/-/asse/ puplisher/DLIYi5AjyFzY/content/phat-trien-cong-nghiep-ho-tro-kinh-nghiem-quoc-te-va-mot-so-ham-y-chinh-sách. Bài viết của GS,TS Đặng Hoàng Linh

Tapchicongsan.org.vn/web/guest/quan-triet-va-thuc-hien-nghi-quyet-dai-hoi-xiii-cua-dang/-/2018/824489/view_content

Vneconomy.vn/techconnets/can-hoan-thien-chinh-sach-phát-trien-cong-nghiep-ho-tro.html. bài biết của Nguyễn Tuyến, Quang Thanh, Tiến Dũng